

Điện Biên Phủ, ngày 02 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2024-2025

1. Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025:

- Tổng số học sinh tuyển sinh vào lớp 1 là 166 em.

- Trong đó:

Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 62/62 em đạt 100%. Trong đó học tại chỗ 51 em; 11 em đi học ở các trường khác.

Nơi khác đến học tại phường là 85 em

* Số lớp, số học sinh:

2. Kết quả đánh giá học sinh

a) Các môn học và hoạt động giáo dục (Có 4 học sinh không đánh giá)

Khối lớp		Tổng		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh		966		166	193	195	201	211
HS Khuyết tật		8		4	0	2	1	1
HS được đánh giá		962		163	193	194	201	211
Môn học	MĐĐ	TS	TL	163	193	194	201	211
Tiếng Việt	HTT	785	81,6	137	159	152	158	179
	HT	177	18,4	26	34	42	43	32
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Toán	HTT	777	80,8	139	162	151	154	171
	HT	185	19,2	24	31	43	47	40
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Ngoại ngữ	HTT	793	82,4	141	164	155	162	171
	HT	169	17,6	22	29	39	39	40
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Đạo đức	HTT	867	90,1	147	177	170	172	201
	HT	95	9,9	16	16	24	29	10
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
TN&XH	HTT	488	50,7	144	173	171	0	0
	HT	62	6,4	19	20	23	0	0

	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Khoa học	HTT	374	38,9	0	0	0	184	190
	HT	38	4,0	0	0	0	17	21
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Lịch sử- Địa lý	HTT	326	33,9	0	0	0	160	166
	HT	86	8,9	0	0	0	41	45
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Âm nhạc	HTT	836	86,9	148	168	175	164	181
	HT	126	13,1	15	25	19	37	30
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
Mĩ Thuật	HTT	821	85,3	139	163	174	164	181
	HT	141	14,7	24	30	20	37	30
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
GDTC	HTT	862	89,6	150	175	174	173	190
	HT	100	10,4	13	18	20	28	21
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
TH-CN (Tin học)	HTT	526	54,7			157	181	188
	HT	80	8,3			37	20	23
	CHT	0	0,0	0	0	0	0	0
TH-CN (Công nghệ)	HTT	524	54,5			162	184	178
	HT	82	8,5			32	17	33
	CHT	0	0,0			0	0	0
HĐTN	HTT	843	87,6	146	167	175	164	191
	HT	119	12,4	17	26	19	37	20
	CHT	0	81,6	0	0	0	0	

b) Năng lực (4 HS khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp		Tổng		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh		966		166	193	195	201	211
HS Khuyết tật		8		4	0	2	1	1
HS được đánh giá		962		163	193	194	201	211
Năng lực chung	MĐĐ	TS	TL%	163	193	194	201	211

1. Tự chủ và tự học	Tốt	830	86,3	140	165	179	165	181
	Đạt	132	13,7	23	28	15	36	30
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	854	88,8	147	171	182	166	188
	Đạt	108	11,2	16	22	12	35	23
	CCG	0	0,0	0	00	0	0	
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	822	85,4	139	168	174	163	178
	Đạt	140	14,6	24	25	20	38	33
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
- Năng lực đặc thù								
1. Ngôn ngữ	Tốt	819	85,1	136	166	170	167	180
	Đạt	143	14,9	27	27	24	34	31
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
2. Tính toán	Tốt	813	84,5	140	163	176	161	173
	Đạt	149	15,5	23	30	18	40	38
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
3. Khoa học	Tốt	856	89,0	142	168	181	181	184
	Đạt	106	11,0	21	25	13	20	27
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
4. Thẩm mỹ	Tốt	835	86,8	144	167	174	169	181
	Đạt	127	13,2	19	26	20	32	30
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
5. Thể chất	Tốt	858	89,2	148	170	179	176	185
	Đạt	104	10,8	15	23	15	25	26
	CCG	0	0	0	0	0	0	
6. Tin học	Tốt	547	90,3			180	180	187
	Đạt	59	9,7			14	21	24
	CCG	0	0,0			0	0	
7. Công nghệ	Tốt	540	89,1			181	181	178
	Đạt	66	10,9			13	20	33
	CCG	0	0,0			0	0	0

c) Những phẩm chất chủ yếu (4 HS khuyết tật không đánh giá):

Khối lớp		Tổng		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số HS		163		193	194	201	211	163
HS Khuyết tật		163		193	194	201	211	163
HS được đánh giá		163		193	194	201	211	163
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	193	194	201	211	163
1. Yêu nước	Tốt	962	100	163	193	194	201	211
	Đạt	0	0	0	0	0	0	
	CCG	0	0	0	0	0	0	
2. Nhân ái	Tốt	956	99,4	163	193	194	195	211
	Đạt	6	0,6	0	0	0	6	0
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	840	87,3	141	163	174	167	195
	Đạt	122	12,7	22	30	20	34	16
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
4. Trung thực	Tốt	933	97,0	160	183	191	193	206
	Đạt	29	3,0	3	10	3	8	5
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	
5. Trách nhiệm	Tốt	860	89,4	139	172	183	173	193
	Đạt	102	10,6	24	21	11	28	18
	CCG	0	0,0	0	0	0	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học (4 HS khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp	TS HS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
1	166	163	85	52,1	50	30,7	28	17,2	0	0
2	193	193	80	41,5	63	32,6	50	25,9	0	0
3	195	194	73	37,6	75	38,7	46	23,7	0	0
4	201	201	69	34,3	82	40,8	50	24,9	0	0
5	211	211	73	34,6	81	38,4	57	27,0	0	0
Tổng	966	962	380	39,5	351	36,5	231	24,0	0	0

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4: 755/755. HS, đạt 100%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học : 211/211 học sinh, đạt 100%.
- Khen thưởng học sinh năm học 2024-2025: 731/966 học sinh, đạt: 75,7%
- Kết quả các hội thi, cuộc thi trong năm học 2024-2025:

Môn	Giải	Cấp trường	Cấp TP	Cấp Tỉnh	Cấp QG
Toán qua mạng	Vàng/Nhất	20		10	
	Bạc/Nhì	40		16	
	Đồng/Ba	106		15	
	KK	127		136	
	Tổng	393		177	
Tiếng Anh qua mạng	Vàng/Nhất	23	7	6	
	Bạc/Nhì	38	15	12	1
	Đồng/Ba	48	30	28	1
	KK	83	31	69	
	Tổng	192	83	115	02
Trạng nguyên TV	Nhất	106	51	25	
	Nhì	114	59	26	
	Ba	119	57	30	
	KK	163	85	47	
	Tổng	502	252	128	
Thi vẽ tranh cấp trường	Nhất				
	Nhì				
	Ba				
	KK				
	Tổng				
Thi viết chữ đẹp/viết sáng tạo	Nhất	23			
	Nhì	45			
	Ba	84			
	KK	112			
	Tổng	264			
	Nhất				

Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng	Nhì		1		
	Ba			1	
	KK		1		
	Tổng				

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Đinh Thị Thanh Nhàn